

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-PT
Ngày 21 - 8 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến và ông Lê Quốc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đoàn Thùy An là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Quang S; địa chỉ: Tổ Q, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Nguyễn Thị Kim L (Văn bản ủy quyền ngày 25-3-2020); địa chỉ: Tổ W, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị Kiều T và ông Dương Hùng L; địa chỉ: Tổ Q, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lâm Thị Kiều T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 09-10-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Quang S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Ngày 21 tháng 4 năm 2018, ông Đỗ Quang S có viết giấy cho bà Lâm Thị Kiều T vay số tiền 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 02 tháng,

lãi suất là 03%/tháng. Ông L và bà T đã trả cho ông S được 09 tháng tiền lãi với lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/ngày, số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông S không nhớ. Đến hẹn bà T, ông L không trả được nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông L trả tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 168.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận bà T đã trả cho ông S 09 tháng tiền lãi, tương ứng với số tiền 189.000.000 đồng; đồng thời rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Dương Hùng L, yêu cầu bà T phải trả số tiền gốc còn lại và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật

Bị đơn bà Lâm Thị Kiều T trình bày: Bà T thừa nhận có vay của ông Đỗ Quang S 700.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng. Trong quá trình vay, bà T đã trả cho ông S được số tiền 657.000.000 đồng, trong đó 300.000.000 đồng tiền gốc và 357.000.000 đồng tiền lãi. Hiện nay, bà đang khó khăn nên bà xin được trừ toàn bộ số tiền lãi 189.000.000 đồng ông S đã nhận vào tiền gốc và đồng ý trả cho ông S số tiền còn lại là 43.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 05-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463, khoản 1 khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quang S: Buộc bà Lâm Thị Kiều T phải trả cho ông Đỗ Quang S 635.445.000đ (*Sáu trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 563.290.000đ (*Năm trăm sáu mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*), tiền lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 72.155.000đ (*Bảy mươi hai triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

2. Về chi phí tố tụng: Bà Lâm Thị Kiều T phải trả cho ông Đỗ Quang S 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền chi phí giám định.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định, án phí, thông báo quyền kháng cáo và quyền yêu cầu và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 13-5-2020, bị đơn bà Lâm Thị Kiều T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại những nội dung sau đây: Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn; trừ toàn bộ số tiền lãi đã trả là 189.000.000 đồng và số tiền 6.000.000 đồng đã trả thêm vào tiền gốc; buộc ông S phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí giám định chữ viết, án phí đối với số tiền không được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song về số tiền gốc, tiền lãi phải trả, chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 05-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quang S là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị Kiều T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Đối với tiền lãi suất: Các bên đương sự thừa nhận bà T đã trả ông S số tiền 189.000.000 đồng, tương ứng với 09 tháng tiền lãi (21.000.000 đồng/tháng). Song, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Mặt khác, các bên có tranh chấp và không thỏa thuận lãi suất quá hạn, do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính tiền lãi trong hạn, quá hạn tương ứng 0,83%/tháng là đúng với quy định tại Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao. Tuy nhiên, phương pháp tính lãi suất của Hội đồng xét xử sơ thẩm là chưa phù hợp, bởi lẽ mỗi tháng bà T trả cho ông S 21.000.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi được chấp nhận theo quy định của pháp luật là $(700.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 5.810.000 \text{ đồng})$; số tiền lãi đã trả vượt quá là $(21.000.000 \text{ đồng} - 5.810.000 \text{ đồng} = 15.190.000 \text{ đồng})$, được trừ vào số tiền gốc, tiền lãi của các tháng tiếp theo, cụ thể:

TT	Số ngày	Số tiền gốc	Lãi suất 0,83%/tháng tương ứng 0,0277%/ngày	Đã trả	Số tiền lãi vượt quá	Số tiền gốc chưa trả
1	21/7/2018 (30 ngày)	669.620.000	5.564.500	21.000.000	15.435.500	654.184.500
2	21/8/2018 (31 ngày)	654.184.500	5.617.500	21.000.000	15.382.500	638.802.000
3	21/9/2018 (31 ngày)	638.802.000	5.485.400	21.000.000	15.514.600	623.287.400
4	21/10/2018 (30 ngày)	623.287.400	5.179.500	21.000.000	15.820.500	607.466.900
5	21/11/2018 (31 ngày)	607.466.900	5.216.300	21.000.000	15.783.700	591.683.200
6	21/12/2018 (30 ngày)	591.683.200	4.916.900	21.000.000	16.083.100	575.600.100
7	21/01/2019 (31 ngày)	575.600.100	4.942.700	21.000.000	16.057.300	559.542.800

[2.2]. Đối với khoản tiền gốc 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) đã trả: Quá trình giải quyết vụ án ông S thừa nhận ngoài số tiền 189.000.000 đồng đã trả, bà T đã trả thêm được số tiền 6.000.000 đồng, thời gian cụ thể ông S không nhớ (Bút lục số 24). Song, Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa xem xét là có thiếu sót. Vì vậy, Hội

đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T đối với nội dung này. Do đó, số tiền gốc còn lại tính đến ngày 22-01-2019 là 559.542.800 đồng - 6.000.000 đồng = 553.542.800 đồng. Lãi suất chậm trả từ ngày 22-01-2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là: $553.542.800 \text{ đồng} \times (15 \text{ tháng } 13 \text{ ngày}) \times 0,83\%/\text{tháng} = 62.712.500 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng số tiền bà T phải trả cho ông Đỗ Quang S là: $553.542.800 \text{ đồng} + 62.712.500 \text{ đồng} = 616.255.300 \text{ đồng}$.

[2.3]. Đối với số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) chi phí giám định: Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập bà T 02 lần nhưng bà không đến làm việc. Ngày 26-11-2019, ông Đỗ Quang S có đơn yêu cầu giám định chữ ký của bà T, ngày 16-01-2020 bà T thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 21-4-2018. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không phù hợp, bởi lẽ ông S là người yêu cầu nên ông S phải chịu tiền chi phí giám định.

[2.4]. Đối với nội dung yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quang S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền không được chấp nhận: Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông S yêu cầu bà T phải trả 700.000.000 đồng và 168.000.000 đồng tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông S thừa nhận bà T đã trả 189.000.000 đồng tiền lãi, yêu cầu trả số tiền gốc còn lại và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm không buộc ông Đỗ Quang S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền chênh lệch so với đơn khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị Kiều T, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song về số tiền gốc, tiền lãi phải trả và tiền chi phí giám định.

[4]. Về án phí: Do có thay đổi về số tiền phải trả nên án phí dân sự sơ thẩm cũng được tính lại phù hợp theo quy định của pháp luật. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lâm Thị Kiều T, sửa Bản án sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 05-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quang S.

Buộc bà Lâm Thị Kiều T trả ông Đỗ Quang S 616.255.300đ (*Sáu trăm mười sáu triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm đồng*), trong đó tiền gốc là 553.542.800đ (*Năm trăm năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm đồng*), tiền lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05-5-2020) là 62.712.500đ (*Sáu mươi hai triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc ông Đỗ Quang S phải chịu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền chi phí giám định được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

3.1. Buộc bà Lâm Thị Kiều T phải nộp 28.650.200 đồng (*Hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đỗ Quang S được trả lại 19.020.000đ (*Mười chín triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002332 ngày 09-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Bà Lâm Thị Kiều T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001675 ngày 25-5-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ II);
- TAND cấp cao tại Tp. H;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương